

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp 1)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CĐKT

<i>D22- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn</i>	<i>31/12/2014</i>	<i>01/01/2014</i>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	306,800,778	285,826,598
- Bảo hiểm xã hội	39,376,111	-
- Bảo hiểm y tế	18,058,251	17,062,585
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
- Phải trả về cổ phần hoá	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Doanh thu chưa thực hiện	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	109,753,186,761	104,067,347,142
Cộng	110,117,421,901	104,370,236,325

<i>D24- Vay và nợ dài hạn</i>	<i>31/12/2014</i>	<i>01/01/2014</i>
- Vay và nợ ngân hàng	166,614,686,024	148,101,943,132
- Vay và nợ tổ chức	450,000,000	-
Cộng	167,064,686,024	148,101,943,132

Đơn vị tính: đ

CÔNG TY CP ĐT VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VINACONEX

Báo cáo tài chính

Tầng 1, Tòa nhà 17T5, KĐT Trung Hòa Nhân Chính, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, HN

Kỳ hoạt động quý IV năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Đơn vị tính: đ

<i>D6- Chi phí trả trước ngắn hạn</i>	Đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào CPSXKD trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Cuối quý
- Công cụ dụng cụ	52,135,735	89,722,904	97,777,024	-	44,081,615
- Chi phí bảo hiểm	-	-	-	-	-
- Chi phí khác	69,360,000	-	69,360,000	-	-
Cộng	121,495,735	89,722,904	167,137,024	-	44,081,615

Đơn vị tính: đ

<i>D18- Chi phí trả trước dài hạn</i>	Đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào CPSXKD trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Cuối quý
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	-	-	-	-
- Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	-	-	-	-
- Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn	-	-	-	-	-
- Chi phí cho giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ vô hình	2,235,344,964	-	138,387,648	-	2,096,957,316
- Công cụ dụng cụ	381,313,125	1,312,718,743	667,782,288	-	1,026,249,580
- Vật tư luân chuyển	-	-	-	-	-
- Chi phí sửa chữa lớn	-	-	-	-	-
- Chi phí lãi vay	-	-	-	-	-
- Chi phí khác	43,186,892,039	-	3,001,080,002	-	40,185,812,037
Cộng	45,803,550,128	1,312,718,743	3,807,249,938	-	43,309,018,933

CÔNG TY CP ĐT VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VINACONEX

Tầng 1, Tòa nhà 17T5, KĐT Trung Hòa Nhân Chính, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, HN

Báo cáo tài chính
Kỳ hoạt động quý IV năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Đơn vị tính: đ

D7- Thuế và các khoản phải thu/nộp Nhà nước	Đầu năm	Phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Cuối quý
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	(5,861,774,852)	1,336,965,195	1,026,246,615	(5,551,056,272)
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
- Thuế TNDN	(3,924,845,103)	81,786,743	19,015,385	(3,862,073,745)
- Thuế thu nhập cá nhân	245,492,690	15,468,601	43,537,542	217,423,749
- Thuế tài nguyên và phí BV môi trường	647,076	-	-	647,076
- Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	-	-
- Thuế thu trên vốn	-	-	-	-
- Các loại thuế khác	138,830,677,900	2,680,000	2,680,000	138,830,677,900
Cộng	129,290,197,711	1,436,900,539	1,091,479,542	129,635,618,708

Lưu ý: *nhập số dương (+) nếu là thuế phải nộp
số âm (-) nếu là thuế phải thu/được khấu trừ*

Thuế GTGT được khấu trừ

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

(5,922,540,645)
(3,924,845,103)
139,137,583,459

(5,613,392,543)
(3,864,605,748)
139,113,616,999

CÔNG TY CP ĐT VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VINACONEX

Tầng 1, Tòa nhà 17T5, KĐT Trung Hòa Nhân Chính, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, HN

Báo cáo tài chính
Kỳ hoạt động quý IV năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**D10 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Đơn vị tính: đ
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					Tổng cộng
Số dư đầu năm	57,335,400,837	4,320,012,626	3,977,645,188	1,424,854,743	67,057,913,394
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	1,000	65,000,000	65,001,000
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(65,000,000)	-	-	(65,000,000)
Số dư cuối Quý IV/2014	57,335,400,837	4,255,012,626	3,977,646,188	1,489,854,743	67,057,914,394
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	8,601,681,565	1,965,259,940	1,778,597,608	941,222,648	13,286,761,761
Khấu hao trong kỳ	2,213,226,024	494,125,810	524,182,212	268,223,159	3,499,757,205
Tăng khác	-	-	-	-	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối Quý IV/2014	10,814,907,589	2,459,385,750	2,302,779,820	1,209,445,807	16,786,518,966
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
Tại ngày đầu năm	50,946,945,296	3,480,756,648	3,885,238,484	910,598,780	53,771,151,633
Số dư cuối Quý IV/2014	46,520,493,248	1,795,626,876	1,674,866,368	280,408,936	50,271,395,428

- Giá trị còn lại cuối năm/kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay;

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm/kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng;

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm/kỳ chờ thanh lý;

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai;

- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình;

554,164,588

CÔNG TY CP ĐT VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VINACONEX

Tầng 1, Tòa nhà 1775, KĐT Trung Hòa Nhân Chính, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, HN

Báo cáo tài chính

Kỳ hoạt động quý IV năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**D12- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: đ

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình					
Số dư đầu năm			42,530,450	321,472,400	364,002,850
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-	-
Tặng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(15,000,000)	(15,000,000)
Số dư cuối Quý IV/2014	-	-	42,530,450	306,472,400	349,002,850
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	-	42,530,450	250,921,931	293,452,381
Khấu hao trong kỳ	-	-	-	50,050,483	50,050,483
Tặng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(15,000,000)	(15,000,000)
Số dư cuối Quý IV/2014	-	-	42,530,450	285,972,414	328,502,864
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình					
Tại ngày đầu năm	-	-	-	70,550,469	70,550,469
Số dư cuối Quý IV/2014	-	-	-	20,499,986	20,499,986

CÔNG TY CP ĐT VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VINACONEX

Tầng 1, Tòa nhà 17T5, KĐT Trung Hòa Nhân Chính, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, HN

Báo cáo tài chính
Kỳ hoạt động quý IV năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4 THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

D26- Vốn chủ sở hữu

a- Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn XD/CB	Cộng
Số dư đầu năm trước	360,000,000,000	10,996,500,000	-	(19,628,513,946)	-	-	5,743,183,230	5,621,797,965	4,842,625,777	(30,752,547,276)	-	336,823,045,750
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(35,171,561,038)	-	(35,171,561,038)
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(27,169,035)	-	(27,169,035)
Số dư đầu năm nay	360,000,000,000	10,996,500,000	-	(19,628,513,946)	-	-	5,743,183,230	5,621,797,965	4,842,625,777	(65,951,277,349)	-	301,624,315,677
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,128,381,290	-	2,128,381,290
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(81,786,743)	-	(81,786,743)
Số dư cuối Quý III/2014	360,000,000,000	10,996,500,000	-	(19,628,513,946)	-	-	5,743,183,230	5,621,797,965	4,842,625,777	(63,904,682,802)	-	303,670,910,224

Đơn vị tính: đ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

	31/12/2014	01/01/2014
b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp của Vinaconex	192,800,000,000	192,800,000,000
- Vốn góp của các đối tượng khác	167,200,000,000	167,200,000,000
Cộng	360,000,000,000	360,000,000,000
Tỷ lệ vốn góp của Vinaconex		
- Theo vốn thực góp	53.56%	53.56%
- Theo giấy phép	53.56%	53.56%
kỳ:	-	-
* Số lượng cổ phiếu quỹ:	760,000	760,000
c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		
	<i>Luỹ kế quý IV năm 2014</i>	<i>Luỹ kế quý IV năm 2013</i>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	360,000,000,000	360,000,000,000
+ Vốn góp tăng trong kỳ		
+ Vốn góp giảm trong kỳ		-
+ Vốn góp cuối kỳ	360,000,000,000	360,000,000,000
- Cổ tức đã chia	-	-
- Cổ tức đã chia bằng tiền	-	-
	<i>Luỹ kế quý IV năm 2014</i>	<i>Luỹ kế quý IV năm 2013</i>
d- Cổ tức		
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán:	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:	-	-
đ- Cổ phiếu		
	<i>Luỹ kế quý IV năm 2014</i>	<i>Luỹ kế quý IV năm 2013</i>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36,000,000	36,000,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	36,000,000	36,000,000
+ Cổ phiếu phổ thông	36,000,000	36,000,000
+ Cổ phiếu ưu đãi		-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	760,000	760,000
+ Cổ phiếu phổ thông		-
+ Cổ phiếu ưu đãi		-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35,240,000	35,240,000
+ Cổ phiếu phổ thông		-
+ Cổ phiếu ưu đãi		-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000 đ/CP	10.000 đ/CP

e- Các quỹ của doanh nghiệp:

- | | |
|---------------------------------|------|
| - Quỹ đầu tư phát triển | % LN |
| - Quỹ dự phòng tài chính | % LN |
| - Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | % LN |

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

g- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo qui định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.